

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/01/2021

V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Thành**

2. Ông **Quách Trung Sơn**

* Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Liêu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T: Ông **Nguyễn Thanh Bình** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 658/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Chị **Đỗ Thị Kim N**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh L.

* **Bị đơn**: Anh **Từ Thanh K**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

(Chị N có mặt; anh K có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Đỗ Thị Kim N trình bày:***

Do quen biết và được cha mẹ hai bên đồng ý nên chị và anh K kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh L vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện vợ chồng sống chung với nhau không còn hạnh phúc và đã ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Về tình cảm xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị xin được ly hôn với anh Từ Thanh K.

Ngoài ra chị N xác định sau khi có 02 con chị có mang thai và phá thai vì thấy không đủ khả năng nuôi con, anh K không cho chị đi làm nhưng một ngày chỉ phát 100.000 đồng không đủ chi phí sinh hoạt. Chị có gây nợ nhưng nợ của cá nhân chị và chị tự trả anh K cũng chưa bỏ xu nào ra trả nợ cho chị. Chị không có cạy tử nhà anh K.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Từ Kim Bảo N, sinh ngày 09/9/2014 và Từ Ngọc Mai P, sinh ngày 11/02/2018, hiện nay các con chung đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung đến khi các con chung trưởng thành, chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

**** Theo tờ tự khai, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Từ Thanh K trình bày:***

Do mai mối và có tìm hiểu anh và chị N tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh L. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi có được 02 con là cháu Từ Kim Bảo N và Từ Ngọc Mai P, chị N có thai nhưng lại phá thai nên anh buồn từ đó vợ chồng anh hay cự cãi. Anh và chị N đã ly thân từ năm 2019 đến nay.

Về con chung có 02 con chung là cháu Từ Kim Bảo N, sinh ngày 09/9/2014 và Từ Ngọc Mai P, sinh ngày 11/02/2018. Hiện đang ở với chị N, anh vẫn tới lui hằng ngày để thăm con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý vì lý do không chính đáng, anh luôn bị áp lực về nợ nần mà chị N có những khoản nợ anh không hề biết. Với lại chị N phá thai mà không nói với anh, chưa kể việc chị N ra ngoài lăng nhăng với người khác. Kể cả việc cạy tử nhà anh lấy tiền gia đình anh nhưng anh vẫn bỏ qua vì thương con còn nhỏ.

Trường hợp Tòa án cho ly hôn. Anh đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng để 02 con được ở gần nhau, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị N xác định ngoài những nguyên nhân chị đã trình bày thì giữa chị và anh K không có tiếng nói chung. Anh K còn đánh đập chị nhiều lần làm cho chị có cảm giác luôn lo sợ, bất an. Chị xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh K; Về con chung chị yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Từ Kim Bảo N, sinh ngày 09/9/2014 và Từ Ngọc Mai P, sinh ngày 11/02/2018, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có.

- Anh K xác định đối với yêu cầu ly hôn của chị N, anh không đồng ý ly hôn vì lý do không chính đáng, anh luôn bị áp lực về nợ nần mà chị N có những khoản nợ anh không hề biết. Với lại chị N phá thai mà không nói với anh, chưa kể việc chị N ra ngoài lăng nhăng với người khác. Kể cả việc cạy tủ nhà anh lấy tiền gia đình anh nhưng anh vẫn bỏ qua vì thương con còn nhỏ.

Trường hợp Tòa án cho ly hôn. Anh đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng để 02 con được ở gần nhau, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chị N và anh K kết hôn với nhau vào năm 2013, được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 110/2013, quyền số 01/2013, ngày 02/12/2013. Chị N và anh K sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị N xác định vợ chồng thường hay cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng sống chung với nhau không còn hạnh phúc và đã ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Chị N yêu cầu được ly hôn với anh K.

Anh K không đồng ý ly hôn với chị N vì không có lý do chính đáng, anh K xác định mâu thuẫn giữa anh và chị N là có nhưng do chị N phá thai không thông báo anh biết nên anh buồn từ đó vợ chồng hay cự cãi, anh và chị N đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Ngoài ra, anh K còn nêu một số lý do như anh phải chịu áp lực do chị N có những khoản nợ anh không hề biết, chị N còn ra ngoài lăng nhăng với người khác, chị N cạy tủ nhà anh lấy tiền gia đình anh nhưng anh đều bỏ qua vì con còn nhỏ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị N là có cơ sở để chấp nhận bởi vì hôn nhân giữa chị N và anh K thực tế đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018. Mặc dù chỉ là mâu thuẫn về bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng chị N và anh K không có giải pháp nào để hàn gắn mâu thuẫn và dẫn đến việc ly thân, dù chị N và anh K trình bày không thống nhất thời gian ly thân nhưng đến thời điểm hiện tại đã ly thân hơn một năm. Trong thời gian ly thân và trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án đã nhiều lần hòa giải nhưng anh K không đưa ra được giải pháp để hàn gắn mâu thuẫn hôn nhân giữa anh và chị N. Việc anh K trình bày chị N lăng nhăng với người khác và cạy tủ lấy tiền của gia đình anh đây là lời trình bày 01 phía của anh K, chị N không thừa nhận nhưng nó làm cho mâu thuẫn hôn nhân giữa anh chị ngày càng trầm trọng thêm, không thể hàn gắn. Ngoài ra lãnh đạo Ấp A, xã Đ xác nhận đã nhiều lần hòa giải mâu thuẫn giữa chị N và anh K. Mặt khác, tại phiên xử chị N cung cấp Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 44/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2017 giữa chị N và anh K. Từ đó xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị N ly hôn với anh K.

- Về con chung: Giữa chị N và anh K có 02 con chung là cháu Từ Kim Bảo N, sinh ngày 09/9/2014 và Từ Ngọc Mai P, sinh ngày 11/02/2018, hiện tại đang sống chung với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo N và Mai P, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Anh K đồng ý giao 02 cháu cho chị N nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng. Nên tiếp tục giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo N và cháu Mai P.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Kim N. Cho chị Đỗ Thị Kim N được ly hôn với anh Từ Thanh K.

- Về con chung: Giao cháu Từ Kim Bảo N, sinh ngày 09/9/2014 và Từ Ngọc Mai P, sinh ngày 11/02/2018 cho chị Đỗ Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Từ Thanh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh K được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị Kim N và anh Từ Thanh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 12 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh L nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị N và anh K phát sinh mâu thuẫn, nên chị N xin ly hôn với anh K. Anh K có hộ khẩu thường trú ở Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh T. Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án nhân dân huyện C đã thụ lý vụ án và đã tiến hành các thủ tục pháp lý triệu tập đương sự đến Tòa án để tự khai; tiến hành phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị N và anh K là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 110/2013, quyền số 01/2013, ngày 02/12/2013. Do mai mối và có tìm hiểu chị N và anh K tiến đến hôn nhân. Sau khi cưới sinh sống bên nhà chồng một thời gian, rồi về nhà mẹ ruột chị N sinh sống ở Long An. Về con chung có 02 con chung là tên là Từ Kim Bảo N, sinh ngày 09/9/2014 và Từ Ngọc Mai P, sinh ngày 11/02/2018.

- Theo biên bản xác minh ngày 13/11/2020 do Phó Trưởng Ấp A, xã Đ là ông Võ Văn Hương cung cấp thì chị N và anh K thường hay xảy ra xích mích. Trước đây mỗi khi chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống ở ấp có hòa giải. Nguyên nhân chị N muốn ly hôn vì thường hay cãi nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, giữa chị và anh K không có tiếng nói chung, anh K đánh chị nhiều lần làm cho chị có cảm giác lo sợ, bất an. Chị và anh K đã ly thân từ khi phát sinh mâu thuẫn năm 2018 cho đến nay. Còn anh K thì cho rằng lý do chị N ly hôn là không chính đáng, mâu thuẫn giữa anh và chị N phát sinh là do chị N phá thai không thông báo anh biết nên anh buồn từ đó vợ chồng anh hay cự cãi. Ngoài ra, anh K còn nêu một số lý do như anh phải chịu áp lực do chị N có những khoản nợ anh không hề biết, chị N còn ra ngoài lăng nhăng với người khác, chị N cạy tủ nhà anh lấy tiền gia đình anh nhưng anh đều bỏ qua vì con còn nhỏ. Anh K xác định anh và chị N chỉ mới ly thân từ năm 2019 đến nay. Tòa án đã quy định thời hạn cho chị N và anh K cung cấp chứng cứ cho yêu cầu cũng như trình bày của mình nhưng anh, chị không cung cấp gì.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên và kết quả của việc xác minh thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử xét thấy trong đời sống hôn nhân chị N và anh K đã xảy ra mâu thuẫn nhiều lần và ở ấp cũng đã có hòa giải. Mặc dù chị N và anh K

trình bày không thống nhất thời gian ly thân nhưng đến thời điểm hiện tại đã ly thân hơn một năm nhưng giữa anh K và chị N không khắc phục được mâu thuẫn của tình trạng hôn nhân. Tòa án đã hòa giải nhiều lần tạo điều kiện cho các bên dàn xếp mâu thuẫn gia đình nhưng không đạt kết quả. Tại phiên tòa chị N xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung với anh K được nữa và K quyết xin ly hôn. Đồng thời chị N cung cấp Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 44/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2017 giữa chị N và anh K. Còn anh K cho rằng còn thương vợ, con có nguyện vọng đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được phương hướng, giải pháp để 02 anh chị có thể hàn gắn đoàn tụ mà chỉ cho rằng yêu cầu ly hôn của chị N là không chính đáng dù chị N có nhiều lỗi lầm nhưng anh K cũng tha thứ. Lời trình bày của anh K chỉ là một phía, chị N không thừa nhận nhưng nó làm cho mâu thuẫn hôn nhân giữa chị N và anh K càng trầm trọng thêm. Điều đó làm cho cuộc sống hôn nhân không còn tiếng nói chung, không còn sự cảm thông, tin tưởng và giúp đỡ lẫn nhau, nếu kéo dài hôn nhân cũng không đảm bảo tồn tại lâu dài. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa chị N và anh K đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Giữa chị N và anh K có 02 con chung là cháu Từ Kim Bảo N, sinh ngày 09/9/2014 và Từ Ngọc Mai P, sinh ngày 11/02/2018, hiện đang sống chung với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo N và Mai P, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh K cũng có ý kiến trong trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh đồng ý tiếp tục giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị N và anh K ly thân do chị N nuôi dưỡng các con chung và anh K cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng nên cần giữ nguyên hiện trạng, tiếp tục giao cháu Từ Kim Bảo N, sinh ngày 09/9/2014 và Từ Ngọc Mai P, sinh ngày 11/02/2018 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Từ Thanh K có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh K xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đỗ Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đỗ Thị Kim N được ly hôn với anh Từ Thanh K.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là cháu Từ Kim Bảo N, sinh ngày 09/9/2014 và Từ Ngọc Mai P, sinh ngày 11/02/2018 cho chị Đỗ Thị Kim N nuôi dưỡng. Anh Từ Thanh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu.

Anh Từ Thanh K có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004249 ngày 21/10/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C. Xem như chị N đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị Đỗ Thị Kim N, anh Từ Thanh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

